

Bản án số: 49/2026/HS-ST
Ngày 31 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Trung Tuyến

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại: Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa và Đ cầu thành phần: Phân trại tạm giam khu vực Y (cơ sở 2) – Trại tạm giam Công an tỉnh T.

Đối với bị cáo: **Lê Thị H**, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2005, tại: xã Y, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038305025102; Nơi cư trú: **Thôn B, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Văn P** và bà **Lê Thị T**; Có chồng là **Nguyễn Văn L** và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/11/2025; Có mặt.

- Bị hại: Ông **Trịnh Đình K**, sinh năm 1950, địa chỉ: **Thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông **Trịnh Đình H1**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

- Người làm chứng:

1. **Lê Thị H2**, sinh năm 1992, địa chỉ: **Thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.
2. **Vũ Văn H3**, sinh năm 1990, địa chỉ: **Thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.
3. **Trịnh Thị H4**, sinh năm 1995, địa chỉ: **Thôn V, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 17 giờ 00 phút ngày 20/7/2025, **Lê Thị H** (không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xám - đen, không gắn biển số chờ theo con trai là **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 27/4/2023 ngồi trước và em gái là **Lê Gia H5**, sinh ngày 29/4/2015 ngồi sau đi trên đường liên xã theo hướng **N - B**. Khi đi đến địa phận **thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa** thì **H** phát hiện thấy ông **Trịnh Đình K** (sinh năm 1950, trú tại **thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**) đang điều khiển xe đạp đi ở phần đường bên phải cùng chiều phía trước và cách xe mô tô của **H** điều khiển khoảng 03 mét. Lúc này, **H** điều khiển xe đi ở khoảng giữa đường với tốc độ bình thường (khoảng 30 đến 35km/h) và không bóp còi để đi qua xe đạp của ông **K**. Khi xe mô tô do **H** điều khiển cách xe đạp của ông **K** khoảng 02 mét thì lúc này ông **K** chuyển hướng sang bên trái, **H** không kịp bóp phanh mà đánh lái sang trái để tránh nhưng do khoảng cách gần nên phần đầu xe mô tô bên phải do **H** điều khiển đã va chạm vào tay nắm lái bên trái của xe đạp do ông **K** điều khiển làm ông **K** và xe đạp ngã xuống đường, còn xe mô tô do **H** điều khiển đi thêm một đoạn nữa rồi dừng xe ở lề đường bên trái theo hướng di chuyển. Hậu quả, ông **K** bị thương nặng phải đi cấp cứu tại bệnh viện, còn **H** cùng với cháu **Gia B** và **Gia H5** không bị thương tích, xe mô tô và xe đạp chỉ bị xước sạt nhẹ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, dựng lại hiện trường, xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tại trước **số nhà E trên đường L thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**. Đây là đoạn đường hai chiều gần ngã tư giao với đường nhánh đi **thôn C** và đường nhánh đi **thôn H**. Đoạn đường có hướng Bắc đi Tỉnh lộ 516D, hướng Nam đi Tỉnh lộ 516B, hướng Đông đi **thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**, hướng Tây đi **thôn C, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**, đường không có dải phân cách, không có vạch kẻ đường, không có biển báo, đèn tín hiệu giao thông, đường được dải nhựa tương đối bằng phẳng và thẳng, lòng đường rộng 450cm, lề đường hai bên rộng 120cm.

Chọn hướng Nam-Bắc (cùng chiều di chuyển của xe mô tô và xe đạp) làm hướng khám nghiệm, lấy mép đường bên trái theo hướng khám nghiệm làm mép chuẩn (ký hiệu: A), lấy cột điện số 07/Yên Lạc 4 ở lề đường bên trái theo hướng khám nghiệm làm mốc cố định (ký hiệu: B).

Căn cứ vị trí dấu vết, phương tiện tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 20/7/2025 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T lập và theo sự chỉ dẫn, mô tả của Lê Thị H là người điều khiển xe mô tô trong vụ tai nạn, ghi nhận dấu vết, vị trí các phương tiện thời điểm xảy ra tai nạn, như sau:

- Vị trí số (1): Xe đạp hai bánh, loại xe thể thao, màu sơn đen đỏ nghiêng bên trái, đầu xe chỉ hướng B1, đuôi xe chỉ hướng Nam. Trục bánh trước xe cách mép chuẩn (A) là 295cm; trục bánh sau xe cách mép chuẩn (A) là 265cm.

- Vị trí số (2): Cách trục sau xe đạp 106cm chệch về hướng Bắc là vết núng lõm trên mặt đường nhựa, vết có kích thước (3x2,5x2,5)cm, vết có màu trắng đục, vết được tạo bởi đầu mút tay cầm lái bên trái của xe đạp sau khi va chạm đồ cày xuống mặt đường tạo nên. T1 của vết cách mép chuẩn (A) là 234cm.

- Vị trí số (3): Cách tâm vết núng 185cm về hướng Tây là đám có màu nâu đỏ (nghỉ là máu đã khô), không rõ hình dạng, có kích thước (8x8)cm, tâm cách mép chuẩn (A) là 60cm.

- Vị trí số (4): Cách tâm đám có màu nâu đỏ 1020cm về hướng Bắc là trục sau xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xám - đen, không gắn biển số, xe ở tư thế dựng đứng trên lề đường bên trái theo hướng khám nghiệm, đầu xe chỉ hướng B1, đuôi xe chỉ hướng Nam. Trục bánh sau cách mép chuẩn (A) là 39cm, trục bánh trước cách mép chuẩn (A) là 71cm.

Tại Kết luận giám định số 3858/KL-KTHS ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh T, kết luận:

- Va chạm giữa xe đạp với xe mô tô không gắn biển kiểm soát:

+ Điểm va chạm đầu tiên: Mặt sau trên tay nắm bên trái xe đạp (ảnh 3, 4, 5 trong bản sao Bản ảnh khám nghiệm phương tiện) với mặt trước dưới cụm cố định tay phanh bên phải, mặt dưới ốp nhựa bên phải đầu xe và mặt trước dưới hệ thống dây bên phải đầu xe mô tô không gắn biển kiểm soát (ảnh 10 đến 13 trong bản sao Bản ảnh khám nghiệm phương tiện).

+ Tại thời điểm va chạm, xe đạp có hướng từ phải sang trái cùng chiều so với hướng chuyển động của xe mô tô không gắn biển kiểm soát.

+ Vị trí va chạm nằm trước vị trí vết núng lõm trên mặt đường (2), được thể hiện trong bản sao Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản sao Sơ đồ hiện trường và bản sao Bản ảnh khám nghiệm hiện trường, thuộc bên phải đường theo chiều từ N ra B.

+ Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm va chạm.

- Ngoài va chạm với nhau, không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe đạp, xe mô tô không gắn biển kiểm soát với người, phương tiện, vật thể khác.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 647/KLTTCT-PYTH ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm P1, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trịnh Đình K tại thời điểm giám định là: 96%.

Tại các Kết luận giám định nồng độ cồn và chất ma túy trong máu của ông **Trịnh Đình K** và **Lê Thị H**, xác định: Mẫu máu của ông **Trịnh Đình K**, **Lê Thị H** gửi giám định không có Ethanol (cồn) ma túy và sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy.

Tại khu vực hiện trường vụ tai nạn giao thông có Camera an ninh của nhà chị **Trịnh Thị H4** (sinh năm 1995, trú tại: **số nhà F, thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**) ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông. Tại Bản kết luận giám định số 4196/KLKTHS ngày 31/10/2025 của **Phòng K1 - Công an tỉnh T**, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định; Trích xuất 05 ảnh từ tệp video gửi giám định.

Về vật chứng vụ án và các tài liệu, đồ vật thu giữ: Cơ quan điều tra có thu giữ gồm: 01 xe đạp hai bánh, loại xe thể thao, màu sơn đen, không bị hư hỏng và 01 xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xám đen. Sau khi khám nghiệm phương tiện, xác minh làm rõ về nguồn gốc và chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã giao trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là chị **Lê Thị H2** và ông **Trịnh Đình K**.

Đối với hành vi của chị **Lê Thị H2** (sinh năm 1992, trú tại **thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**) đã giao xe mô tô cho **Lê Thị H**, nhưng chị **H2** không biết việc **Lê Thị H** chưa có giấy phép lái xe, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với **Lê Thị H2** về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: **Lê Thị H** đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho bị hại **Trịnh Đình K** số tiền 240.000.000 đồng. Bị hại **K** đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì khác về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSKV8 ngày 28/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa đã truy tố bị cáo **Lê Thị H** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Lê Thị H** thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về phần dân sự: Bị cáo **H** khai đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại **Trịnh Đình K** với số tiền 240.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại **Trịnh Đình K** trình bày: Xác nhận sau tai nạn hai bên đã tự nguyện thỏa thuận và bị cáo **Lê Thị H** đã bồi thường xong cho bị hại **Trịnh Đình K** với số tiền 240.000.000 đồng, nên bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác về phần dân sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho **Lê Thị H**.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Thị H** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **H** từ 30 tháng đến 33 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về phần dân sự: Không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo **H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định.

Bị cáo **Lê Thị H** không có ý kiến tranh luận; Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương, để có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Thị H** tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Kết luận giám định tổn thương cơ thể; Kết luận giám định dấu vết va chạm cơ học, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng hơn 17 giờ 00 phút ngày 20/7/2025, **Lê Thị H** (không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xám - đen, không gắn biển số chờ theo **Nguyễn Gia B** (sinh ngày 27/4/2023) ngồi trước và **Lê Gia H5** (sinh ngày 29/4/2015) ngồi sau, đi trên đường liên xã theo hướng **N - B**. Khi đi đến đoạn đường trước **số nhà E** đường liên xã thuộc địa phận **thôn H, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**, **Lê Thị H** đã điều khiển xe máy vượt xe đạp do ông **Trịnh Đình K** điều khiển đi ở phần đường bên phải cùng chiều phía trước, nhưng không có báo hiệu bằng còi, không có tín hiệu báo hướng chuyển, không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước trong suốt quá trình vượt xe, dẫn đến phần đầu xe bên phải xe mô tô do **H** điều khiển đã va chạm với tay nắm

bên trái xe đạp do ông **Trịnh Đình K** điều khiển đang chuyển hướng sang trái. Hậu quả, làm ông **Trịnh Đình K** bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 96%.

Hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông của **Lê Thị H** đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 3, khoản 5 Điều 14 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, gây tổn hại cho sức khỏe cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 96%. Do đó, hành vi của **Lê Thị H** đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Vụ tai nạn giao thông xảy ra, mặc dù là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, nhưng đã gây nên những mất mát, nỗi đau nặng nề đối với bị hại **Trịnh Đình K** với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 96%. Hành vi của bị cáo **Lê Thị H** là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân khi tham gia giao thông. Do vậy, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, nhằm giáo dục đối với bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức tuân thủ quy tắc về giao thông nói riêng; đồng thời đây cũng là bài học cảnh tỉnh đối với người dân khi tham gia giao thông.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo **Lê Thị H** có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo **H** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **H** đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại số tiền là 240.000.000 đồng; bị cáo phạm tội khi đang mang thai 5 tuần tuổi, hiện tại đã sinh con được 26 ngày tuổi. Ngoài ra, xét bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; nguyên nhân xảy ra tai nạn cũng có một phần lỗi của bị hại **Trịnh Đình K** khi điều khiển xe đạp chuyển hướng xe không quan sát, không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, không giảm tốc độ và có tín hiệu bằng tay theo hướng rẽ dẫn đến va chạm với xe mô tô do **H** điều khiển, nên bị cáo **H** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bị cáo **Lê Thị H** được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Xét bị cáo **Lê Thị H** nhất thời phạm tội do lỗi vô ý; có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng; có nơi cư

trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Ngoài ra xét bị cáo **H** mới sinh con được 26 ngày tuổi, hiện đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát, giáo dục theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp. Như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **H** theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **H** đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại **Trịnh Đình K**. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án và các tài liệu, đồ vật tạm giữ: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 xe đạp hai bánh, loại xe thể thao, màu sơn đen và 01 xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xám đen. Sau khi khám nghiệm phương tiện, xác minh làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã giao trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

[9] Về tình tiết liên quan vụ án: Chị **Lê Thị H2** (sinh năm 1992, trú tại **thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**) đã giao xe mô tô cho **Lê Thị H**, nhưng chị **H2** không biết việc **Lê Thị H** chưa có giấy phép lái xe, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với **Lê Thị H2** về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự, là đúng quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo **H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị H** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Lê Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã **Y**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi

nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo **Lê Thị H** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự,

Bị cáo; **bị hại** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến